

Biểu số 2 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90 ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: Trung tâm Y tế huyện Sông Mã

Chương: 623

**DỰ TOÁN GIAO KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI VIÊN CHỨC Y TẾ
CÔNG TÁC TẠI VÙNG CÓ ĐIỀU KIỆN KINH TẾ - XÃ HỘI
ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN THEO NGHỊ ĐỊNH 76/2019/NĐ-CP**

(Kèm theo Quyết định số 99/QĐ- TTYT ngày 13/05/2025 của Trung tâm Y tế huyện Sông Mã)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	0,00
I	Số thu phí, lệ phí	0,00
1	Lệ phí	0,00
	Phí thẩm định cơ sở đủ điều kiện VSANTP	0,00
2	Số thu sự nghiệp	0,00
	Thu sự nghiệp tiền KCB tuyến xã.	0,00
3	Thu từ dịch vụ khác	0,00
	Thu kiểm soát vệ sinh an toàn thực phẩm theo NQ số 140/2020/NQ-HĐND	0,00
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	0,00
1	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	0,00
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên (Chi CCTL)	0,00
b	Kinh phí nhiệm vụ chi hoạt động khác	0,00
2	Chi quản lý hành chính	0,00
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	0,00
1	Lệ phí	
	Lệ phí...	
	Lệ phí...	
2	Phí thẩm định cơ sở đủ điều kiện VSANTP	0,00
	Số phí nộp NSNN	0,00
	Phí ...	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	337,00
I	Nguồn ngân sách trong nước	337,00
1	Chi quản lý hành chính	0,00
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	337,00
4.1	Kinh phí chi thường xuyên giao giao tự chủ	0,00
4.2	Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ	337,00
-	Kinh phí thực hiện chính sách đối với viên chức y tế công tác tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo Nghị định 76/2019/NĐ-CP	337,00
4.3	Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ (Dân số)	0,00
44	Tiết kiệm 10% thực hiện CCTL	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
II	Chương trình mục tiêu quốc gia	0,00
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Dự án A	
1.2	Dự án B	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
2.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
3.1	Dự án A	
3.2	Dự án B	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	0,00
4.1	Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em (Mã DA: 0517)	0,00
-	Trong đó:	
+	<i>Xây dựng và phát triển y tế cơ sở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi</i>	
+	<i>Nâng cao chất lượng dân số vùng đồng bào DTTS và miền núi</i>	
+	<i>Chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng bà mẹ, trẻ em nhằm giảm tử vong bà mẹ, trẻ em; nâng cao tầm vóc, thể lực người dân tộc</i>	

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
4.2	Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng	0,00
-	Tiêu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng.	0,00
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Dự án A	
6.2	Dự án B	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Dự án A	
7.2	Dự án B	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Dự án A	
8.2	Dự án B	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Dự án A	
9.2	Dự án B	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Dự án A	
10.2	Dự án B	
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Dự án A	
1.2	Dự án B	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
2.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
3.1	Dự án A	
3.2	Dự án B	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Dự án A	
4.2	Dự án B	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Dự án A	
6.2	Dự án B	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Dự án A	
7.2	Dự án B	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Dự án A	
8.2	Dự án B	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Dự án A	
9.2	Dự án B	

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Dự án A	
10.2	Dự án B	